

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCC: 028.38446262-65 Address: 57A Trương Quốc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00467/2025/PKQ QTKSƠN (25.0448)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 04/08/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng: 25.0448)
2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 30/07/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Nhạn



Ngô Văn Thanh Huy



Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00467/2025/PKQ QTKSÔN (25.0448)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 04/08/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.250730.001

B. KẾT QUẢ:

I. NƯỚC SINH HOẠT

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.250730.001	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,18	2
2	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
3	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOD=0,24)	2
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,27	6 ÷ 8,5
5	Độ cứng*	mg/L	TCVN 6224:1996	25,7	300
6	Clorua (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194:1996	12,8	250
7	Florua (F ⁻)	mg/L	SMEWW 4500-F B và D	0,49	1,5
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
9	Mangan (Mn)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	0,0044	0,1
10	Tổng sắt (Fe)*	mg/L	TCVN 6177:1996	KPH (LOD=0,030)	0,3
11	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,01
12	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,75	0,2 ÷ 1
13	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
14	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
15	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCC: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00477/2025/PKQ QTKSÔN (25.0459)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 08/08/2025

- Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng: 25.0459)
- Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
- Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Số lượng mẫu: 1
- Ngày nhận mẫu: 06/08/2025
- Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM

Nguyễn Thị Nhận

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM

Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH

Nguyễn Thị Kim Yến

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
- Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00477/2025/PKQ QTKSÔN (25.0459)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 08/08/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.250806.001

B. KẾT QUẢ:

I. NƯỚC SINH HOẠT

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.250806.001	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,12	2
2	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
3	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	0,30	2
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,21	6 ÷ 8,5
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
6	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	0,0012	0,01
7	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,77	0,2 ÷ 1
8	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
9	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
10	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNNĐ.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCCQ: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00489/2025/PKQ QTKSÔN (25.0472)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 15/08/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng: 25.0472)
2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 13/08/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM




Nguyễn Thị Nhạn

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM




Ngô Văn Thanh Huy

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH




Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00489/2025/PKQ QTKSƠN (25.0472)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 15/08/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.250813.001

B. KẾT QUẢ:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm	QCVN 01-1:2024/BYT
				QT.250813.001	
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,15	2
2	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
3	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	0,30	2
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,14	6 ÷ 8,5
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
6	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	0,0003	0,01
7	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500-CI.G:2023	0,67	0,2 ÷ 1
8	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
9	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
10	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP ISO/IEC 17025:2017 VLAT – 1.0108 VIMCERTS 009	VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUÂN SỰ VIỆN CÔNG NGHỆ NHIỆT ĐỚI Institute for Tropical Technology	Địa chỉ: 57A Trương Quốc Dung, P. Phú Nhuận, TP. HCM. ĐTCCQ: 028.38446262-65 Address: 57A Truong Quoc Dung Street, Phu Nhuan Ward, Ho Chi Minh City. Office tel: 028.38446262-65
00503/2025/PKQ QTKSƠN (25.0481)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 26/08/2025

1. Nơi yêu cầu: Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (Đơn hàng: 25.0481)
2. Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức-479 Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 16, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Số lượng mẫu: 1
5. Ngày nhận mẫu: 20/08/2025
6. Kết quả thử nghiệm: Xem các trang kèm theo

ĐẠI DIỆN
NHÓM THỬ NGHIỆM

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN TRẮC
KIỂM SOÁT Ô NHIỄM

TL. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH



Nguyễn Thị Nhạn



Ngô Văn Thanh Huy



Signature of Nguyễn Thị Kim Yến

Nguyễn Thị Kim Yến

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNND.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.

VITTEP

00503/2025/PKQ QTKSƠN (25.0481)	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày xuất kết quả/ Issued Date 26/08/2025
------------------------------------	---	--

A. KÝ HIỆU MẪU:

TT	Tên mẫu	Mã hoá mẫu
1.	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt	QT.250820.001

B. KẾT QUẢ:

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả thử nghiệm QT.250820.001	QCVN 01- 1:2024/BYT
1	Độ đục	NTU	US EPA method 180.1	0,16	2
2	Độ màu*	mg/L Pt.Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=6)	15
3	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186:1996	0,30	2
4	pH	-	TCVN 6492:2011	7,18	6 ÷ 8,5
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 6179:1996	KPH (LOD=0,006)	1
6	Asen (As)*	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,01
7	Clo dư *	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,78	0,2 ÷ 1
8	Coliform*	CFU/100mL	SMEWW 9222B:2023	KPH	<1
9	E.Coli*	CFU/100mL	SMEWW 9222B&H:2023	KPH	<1
10	Mùi	-	SMEWW 2150 B + SMEWW 2160 B	không có mùi lạ	Không có mùi lạ

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2024/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (*): Thông số được công nhận VLAT – 1.0108;
- (-): Không quy định/không thực hiện;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến ph

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện CNNĐ.
2. Tên mẫu, tên khách hàng ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
3. Các kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
4. Thời gian lưu mẫu là 05 ngày kể từ ngày trả kết quả.